

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH THẠNH  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**  
Bản án số: 38/2024/HNGĐ-  
ST

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ngày: 30-9-2024  
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Mai Đào.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hồng Quang
2. Bà Phạm Thị Nhung

***- Thư ký phiên tòa:*** Chị Nguyễn Lê Nhật Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Ông Bạch Nam Chu Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm: 1991, địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định – Có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Nguyễn Ngọc M, sinh năm: 1991, địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định – Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 06/6/2024, được bổ sung bằng lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc M tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2014 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị cho rằng anh M ngoại tình, nhưng chị chịu đựng cho qua chuyện. Đến khoảng năm 2019, mâu thuẫn tái diễn, anh M lại có tính vũ phu, bạo lực, thường đánh chị, dùng nhiều lời lẽ hăm dọa chị. Gia đình biết chuyện

nhưng không hòa giải được. Từ tháng 5/2024 cho đến nay, vợ chồng chị sống ly thân. Chị nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn tình cảm, không thể tiếp tục đời sống chung, nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chồng là anh Nguyễn Ngọc M.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Ngọc M có 03 con chung, là các cháu: Nguyễn Huỳnh Khởi M1 (sinh ngày: 06/3/2015), Nguyễn Huỳnh Nhã U (sinh ngày: 26/10/2016) và Nguyễn Huỳnh Phước T1 (sinh ngày: 23/8/2023). Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu được nuôi cháu T1, giao 02 cháu M1 và U cho anh M nuôi, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nhưng vào ngày 21/8/2024 và tại phiên tòa hôm nay, chị có lời khai, yêu cầu Tòa án giao 03 con chung cho chị được trực tiếp nuôi, chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 5.100.000 đồng (1.700.000 đồng/cháu/tháng) đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Về ý kiến giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh T, chị T được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Ngọc M.

- Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Khởi M1, cháu Nguyễn Huỳnh Nhã U và cháu Nguyễn Huỳnh Phước T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M phải cấp dưỡng nuôi con 1.700.000 đồng/cháu/tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xét.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Thanh T, anh Nguyễn Ngọc M phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Chị T khởi kiện yêu cầu: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh M; Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2]. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh M tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227,



khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh **M**.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị **T** và anh **M** tự nguyện tìm hiểu, chung sống, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/10/2014 tại **UBND xã V, huyện V, tỉnh Bình Định**, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Khoảng từ năm 2016, xảy ra mâu thuẫn tình cảm trong cuộc sống vợ chồng, tính tình đôi bên không phù hợp, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Dẫn đến mâu thuẫn lên đỉnh điểm, xảy ra bạo lực gia đình. Gia đình hai bên có biết nhưng không giải quyết được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2024 cho đến nay.

Tòa án đã liên hệ, thông báo, triệu tập, hòa giải để các bên đương sự có điều kiện đoàn tụ với nhau, anh **M** biết nhưng bỏ mặc, không thiện chí, không hợp tác. Tại phiên tòa, chị **T** kiên quyết ly hôn. Như vậy, có cơ sở chứng minh hôn nhân của chị **T** và anh **M** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **T**.

[2.2]. Về con chung:

Xét tình trạng cuộc sống thực tế, nguyện vọng của các cháu **M1** và **U**, xét cháu **T1** còn nhỏ; Xét bị đơn anh **M** không phản hồi, không gửi bất cứ văn bản, ý kiến gì, xem như tự từ bỏ quyền lợi của bản thân cũng như không phản đối, không bác bỏ yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn chị **T** cung cấp; Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **T**, giao 03 con chung, là các cháu: **Nguyễn Huỳnh Khởi M1** (sinh ngày: 06/3/2015), **Nguyễn Huỳnh Nhã U** (sinh ngày: 26/10/2016) và **Nguyễn Huỳnh Phước T1** (sinh ngày: 23/8/2023) cho mẹ (chị **T**) được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng;

Xét, do các bên không thỏa thuận được nghĩa vụ cấp dưỡng, tại phiên tòa chị **T** tự nguyện yêu cầu anh **M** cấp dưỡng cho các con mỗi tháng là 5.100.000 đồng (1.700.000 đồng/cháu/tháng), nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc anh **M** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung hàng tháng là 5.100.000 đồng (1.700.000 đồng/cháu/tháng), hình thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2024 đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi. Đồng thời đảm bảo theo luật định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với con chung, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **T** không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Huỳnh Thị Thanh T** đối với bị đơn anh **Nguyễn Ngọc M**, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Huỳnh Thị Thanh T** được ly hôn anh **Nguyễn Ngọc M**.

- Về con chung:

Giao 03 con chung của chị **Huỳnh Thị Thanh T** và anh **Nguyễn Ngọc M**, là các cháu: **Nguyễn Huỳnh Khởi M1** (sinh ngày: 06/3/2015), **Nguyễn Huỳnh Nhã U** (sinh ngày: 26/10/2016) và **Nguyễn Huỳnh Phước T1** (sinh ngày: 23/8/2023) cho mẹ (chị **T**) được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng;

Buộc anh **Nguyễn Ngọc M** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả 03 con chung hàng tháng là 5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng) (1.700.000 đồng/cháu/tháng), hình thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2024 đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Huỳnh Thị Thanh T** không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị **Huỳnh Thị Thanh T** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị **T** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005034 ngày 09/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.



- Về án phí dân sự sơ thẩm (Án phí cấp dưỡng): Bị đơn anh Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Ngọc M không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CCTHADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;  
(UBND xã Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thạnh, Bình Định. ĐKKH: 28/10/2014).
- P.KTNV và THA - TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Đinh Thị Mai Đào**